

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô” tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 298/TTr-TNMT ngày 27/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Một thành viên Tùng Đại Phát (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Tân Dĩnh; Công ty TNHH Một thành viên Tùng Đại Phát và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Một thành viên Tùng Đại Phát (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

¹ thành lập theo Quyết định số 385/QĐ-TNMT ngày 24/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “XÂY DỰNG CƠ SỞ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG Ô TÔ”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Một thành viên Tùng Đại Phát².

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên địa bàn thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, với diện tích đất sử dụng khoảng 2.000 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

* Quy mô kinh doanh, thương mại, dịch vụ:

+ Kinh doanh vật liệu xây dựng: Sắt, thép: 600 tấn/năm.

+ Sửa chữa ô tô: 2.200 lượt xe/năm.

* Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Xây dựng tòa nhà showroom (04 tầng): diện tích xây dựng 355 m².

+ Nhà kho sản phẩm (04 tầng): diện tích xây dựng: 700 m².

Ngoài ra còn các hạng mục công trình như: nền sân đường bê tông, khuôn viên cây xanh, tường rào, bể xử lý nước thải, giao thông, ...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Tòa nhà showroom (04 tầng): diện tích xây dựng 355m², nhà kho sản phẩm (04 tầng): diện tích xây dựng: 700m². Ngoài ra, còn các hạng mục công trình như: nền sân đường bê tông, khuôn viên cây xanh, tường rào, bể xử lý nước thải, giao thông, ...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

² hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400544022, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/5/2020.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Diện tích thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 2.501,4 m², trong đó: diện tích đất thực hiện dự án là 2.000 m², diện tích đất hàng lang giao thông là 501,4 m². Trong diện tích đất thực hiện dự án có 161,1 m² là đất chuyên trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên và trong diện tích đất hàng lang giao thông có 113,1 m² đất chuyên trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng đất 2.000 m², diện tích làm hàng lang giao thông 501,4 m². Trong diện tích 2.000 m² đất thực hiện dự án có: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) chiếm khoảng 161,1 m²; đất trồng cây hàng năm (BHK) chiếm khoảng 1.305,9 m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) chiếm 374,3 m²; đất giao thông (DGT) chiếm khoảng 158,7 m².

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, từ hoạt động san nền và đào đắp; bụi từ quá trình bốc xúc, tập kết vật liệu xây dựng; bụi, khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công.

++ Khí thải từ quá trình hàn.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải thi công, nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; từ hoạt động thi công xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động kinh doanh sắt thép và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và chạy thử xe, từ công đoạn cơ khí, cắt, hàn thùng xe... với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, C_xH_y, CO, NO₂, SO₂,...

+ Bụi từ hoạt động bốc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng (sắt thép).

+ Nước thải sinh hoạt từ công nhân viên và khách hàng, nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa bảo dưỡng ô tô; bùn từ bể tự hoại, bùn dư từ bể xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

*** Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công từ rửa nguyên liệu, vệ sinh máy móc, thiết bị,... phát sinh khoảng 1,9 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án lưu lượng 0,016 m³/s cuốn theo các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu mỡ, bụi, đất, cát,... với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

*** Bụi, khí thải:**

- Bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, do hoạt động san nền và đào đắp, từ quá trình bốc xúc, tập kết vật liệu xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi, ...

- Khí thải phát sinh từ quá trình hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 0,323 tấn, với thành phần chủ yếu là cây bạch đàn, cây cỏ bụi,...

- Chất thải từ hoạt động đào đắp, san nền, gồm: đất bóc hữu cơ 40,275 m³, đất đào móng 1.055 m³, bùn nạo vét 74,86 m³.

- Chất thải rắn xây dựng dư thừa phát sinh khoảng 4,856 tấn trong cả giai đoạn thi công xây dựng, với thành phần chủ yếu là đầu gỗ vụn, cặn vữa, bê tông thừa, gạch vỡ, đầu mẫu dây cáp...

* Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 62 kg trong cả giai đoạn thi công xây dựng, với thành phần chủ yếu là găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, ắc quy, pin thải, bao bì cứng bằng kim loại, que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc tham gia thi công xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện san gạt, vận chuyển vật liệu xây dựng,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động chiếm dụng đất; tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, tác động do ngập úng, bồi lắng, trượt lở.

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố, rủi ro về thiên tai.

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên và khách hàng, phát sinh lớn nhất khoảng 1,8 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Nitơ, tổng phốt pho, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án với lưu lượng khoảng 0,033m³/s.

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và chạy thử xe, từ công đoạn cơ khí, cắt, hàn thùng xe... với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, C_xH_y, CO, NO₂, SO₂,...

- Bụi từ hoạt động bốc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng (sắt thép).

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên và khách hàng (như: giấy, nhựa, plastic, PVC, thủy tinh,...) khối lượng khoảng 15 kg/ngày. Tổng lượng bùn thải từ bể tự hoại và bể xử lý nước thải phát sinh khoảng 3,63 m³/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sửa chữa ô tô và kinh doanh vật liệu xây dựng khoảng 160 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại (như: dầu thải, giẻ lau, găng tay dính dầu, bao bì thùng đựng hóa chất các loại, can nhựa đựng dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy thải, bộ lọc dầu, các thiết bị, bộ phận có khả năng nổ (túi khí), dầu phanh thải, các thiết bị linh kiện nguy hại khác ...) phát sinh khoảng 350 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô tháo lắp phụ tùng, máy móc, thiết bị, từ việc bốc dỡ sắp xếp từ ở khâu nhập hàng về và xuất hàng đi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội của khu vực.
- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố thiên tai; sự cố liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích 1,5m³ đặt trên công trường. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tháng hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa: các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của các khu vực bên ngoài dự án.

- Bố trí rãnh đất B400 đến B600, trên rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn dung tích từ 1m³ đến 1,5m³ với khoảng cách trung bình giữa các hố ga từ 20m đến 30m.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga, với tần suất 01 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

* Nước thải thi công:

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu, rửa máy móc, thiết bị trong suốt quá trình thi công xây dựng.

- Nước thải từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị: Bố trí khoảng 02 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng chứa nước thải rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó, nước thải này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 3m³ để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước đập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước giảm thiểu bụi, với tần suất trung bình 02 lần/ngày và tăng tần suất 3-4 lần/ngày vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu

vực phát sinh ra nhiều bụi, trên công trường; quãng đường tưới nước khoảng 200m tính từ chân công trường, khu vực gần khu dân cư.

- Các phương tiện vận chuyển có dùng bạt che phủ để tránh vật liệu rơi vãi, phát sinh bụi. Phun nước làm ẩm khu vực đào đắp trước khi thi công.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2m (hoặc vật liệu khác phù hợp) che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường. Các phương tiện ra vào công trường được vệ sinh tại khu vực cổng công trường (trong khuôn viên dự án).

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công.

- Trong quá trình hàn, cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ.

4.1.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt, dung tích 80 lít tại khu vực lán trại, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định, tần suất 02 ngày/lần.

* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Toàn bộ đất bóc hữu cơ và bùn nạo vét từ kênh mương được tận dụng trồng cây xanh trong khu vực dự án. Đất đào hố móng được tận dụng san lấp vào các vị trí trũng thấp trong phạm vi dự án, không đổ thải, khi đó chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công tại thực địa.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

- + Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng (như: đầu mẩu sắt, thép; bao bì carton,...) được thu gom và bán cho đơn vị thu mua.

- + Các loại chất thải như gạch vỡ, vữa dư thừa,... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án.

- + Các chất thải khác không tận dụng được thu gom tập kết tại bãi chứa trong khu vực dự án diện tích 30m² và chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tuần).

4.1.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 05 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại theo quy định. Đồng thời, bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, diện tích khoảng 10 m², có biển báo theo đúng quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 01 lần sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ, bôi trơn các thiết bị, máy móc có khả năng gây ồn.

- Các máy móc, thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau và từ 11 giờ đến 13 giờ chiều hàng ngày.

- Sử dụng các loại xe, máy thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư. Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động, yêu cầu sử dụng trong quá trình thi công xây dựng.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phổ biến nội quy an toàn lao động cho toàn bộ công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Không được mang chất dễ cháy, chất nổ vào công trường. Không được châm lửa hoặc hút thuốc ở khu vực có biển cấm lửa. Việc sử dụng các thiết bị, máy thi công dùng điện phải theo đúng các quy định về an toàn điện. Từng khu vực có cầu dao riêng, khi nghỉ hoặc lúc ra về phải ngắt cầu dao. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện hỗ trợ phòng chống bão lũ. Phân vùng, vạch tuyến thi công hợp lý.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thoát nước rửa: Thoát nước rửa gồm nước từ các chậu rửa (ống D34), nước từ các sàn khu WC (D75, độ dốc 2%) thu gom vào ống đứng thoát nước rửa D110 đặt trong các hộp kỹ thuật, đổ vào các hố ga trên mặt bằng dự án.

- Hệ thống thoát nước xí tiêu: Thoát nước xí và tiêu treo được thu gom vào ống đứng thoát nước xí D125, tất cả đặt trong các hộp kỹ thuật đổ vào bể tự hoại. Các ống thông hơi cho bể tự hoại + xí có đường kính D76. Hệ thống ống thu gom nước thải từ hố ga từ sau bể tự hoại về bể xử lý nước thải là ống nhựa uPVC D110, chiều dài 50m, số lượng hố ga 04 hố.

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó dẫn về bể xử lý nước thải của dự án thể tích 3 m³ (gồm: 2 ngăn lọc và 1 ngăn khử trùng). Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ thoát ra mương tiêu thoát nước của khu vực thôn Tân Văn 1, xã Tân Đình, huyện Lạng Giang.

- Vị trí xả thải: Có 01 điểm xả nước thải sau xử lý tại bể xử lý nước thải phía Đông của ô đất.

* Nước mưa chảy tràn

- Khu vực được thiết kế hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải độc lập. Nước từ các lôza được kết hợp với các ống đứng thoát nước mái và đặt trong hộp kỹ thuật. Các lôza không kết hợp được thì đặt ống đứng thoát riêng D60. Nước mưa chảy từ các ống đứng D60 chảy về rãnh xây B400.

- Hệ thống thoát nước mưa theo phương thức tự chảy, được thu gom tới các hố ga thu xây gạch 220x220, vữa xi măng M75#, đáy ga đổ BTXM mác M150#, dưới có lớp đệm đá dăm 4x6 dày 10cm. Nắp ga bằng tấm đan BTCT có bố trí các ghi thu bằng gang đúc sẵn. Thành ngoài và trong hố ga trát vữa xi măng M75# dày trung bình 2cm bằng hệ thống rãnh xây B400. Các hố ga bố trí cách nhau 30m. Nước mưa sau đó được thoát ra mương thoát nước hiện trạng.

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán.

- Vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân đường trong dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 08 thùng rác có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng đặt tại góc hành lang các tầng. Cuối ca làm việc, nhân viên chuyển thùng rác sinh hoạt ra công dự án để đơn vị vệ sinh môi trường đến thu gom, xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Bùn từ bể tự hoại và bể xử lý nước thải: chủ dự án định kỳ thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 01 năm/lần.

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí 02 thùng rác dung tích 60 lít/thùng, trong đó 01 thùng đặt tại khu xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và 01 thùng đặt tại khu vực tập kết sắt thép. Toàn bộ chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh được tập kết về kho lưu giữ chất thải rắn thông thường (diện tích 10m²) nằm trong nhà kho sản phẩm, cửa kho có biển báo.

- Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng (như: phụ tùng hỏng bằng sắt, xăm lốp, đồ nhựa...) được thu gom, lưu trữ và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng để sản xuất.

- Các chất thải khác không có giá trị sử dụng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 01 tháng/lần.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Bố trí 14 thùng phuy chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng được đặt trong kho chứa CTNH (diện tích 10m²) nằm trong nhà kho sản phẩm; kho chứa CTNH có cửa khóa, biển cảnh báo, nền bê tông xi măng, đặt cạnh kho chứa chất thải thông thường.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, tạo môi trường làm việc rộng. Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị. Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao. Trang bị bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên (chụp tai hoặc nút bịt tai) khi thực hiện các công đoạn có độ ồn lớn.

- Đối với các thiết bị có công suất lớn sẽ lắp đặt đệm cao su chống rung.

+ Chống rung tại nguồn: tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như: kê cân bằng máy, sử dụng vật liệu phi kim loại...;

+ Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi...), sử dụng các dụng cụ tác nhân chống rung.

4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực khả năng bị sét đánh.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Không khí làm việc

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng.

- + Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Thực hiện và sử dụng tầng đất mặt của dự án đảm bảo theo đúng phương án đã xây dựng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 298/TTr-TNMT ngày 27/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.